

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DSST

Ngày: 31/5/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Huỳnh Khắc Hiếu

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2020/TLST - DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: đường D phường M, thành phố T, Phú Yên. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1968 và bà Trương Thị Kim P, sinh năm 1968; Địa chỉ: đường H, phường L, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông H có mặt; bà P vắng mặt.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn T, huyện H, tỉnh Phú Yên. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Yêu cầu ông Đỗ Văn H và bà Trương Thị Kim P trả số tiền 8.500.000đ theo hợp đồng vay tiền trả góp xe máy và lãi suất 20%/năm từ ngày nhận nợ vào ngày 08/11/2017 cho đến nay. Đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

-Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Văn H và bà Trương Thị Kim P trình bày: Thừa nhận vào ngày 08/11/2017 có ký hợp đồng vay tiền trả góp xe máy với bà Hồ Thị Thanh S để mua chiếc xe máy hiệu Fondars, có số khung H00069, số máy H364699, biển số xe 78P1-3845, chủ sở hữu đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe là bà Nguyễn Thị B. Trị giá lúc mua xe 14.000.000đ, đã trả trước 9.000.000đ và còn nợ 5.000.000đ. Nhưng nay bà Sưng khởi kiện số tiền 8.500.000đ thì ông H, bà P đồng ý nhưng xin không trả lãi. Số tiền 8.500.000đ nợ tiền mua xe máy chứ không phải là số tiền vay của bà S. Đề nghị sau khi trả tiền xong bà Hồ Thị Thanh S và bà Nguyễn Thị B phải làm thủ tục sang tên cho ông H, bà P.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà B là nhân viên làm việc cho bà S có đứng tên một số khách hàng mua xe máy trong đó có ông Đỗ Văn H. Bà B chỉ đứng tên xe máy, còn chủ sở hữu các chiếc xe mà DNTM Thanh S xuất hóa đơn cho Nguyễn Thị B là tài sản của bà Hồ Thị Thanh S. Đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền gốc 8.500.000đ; mức lãi suất 20%/năm, thời hạn lãi tính từ ngày 08/11/2017; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo hợp đồng vay tiền trả góp xe máy ngày 08/11/2017 thể hiện bà S cho vay số tiền 8.500.000đ, góp 15 tháng, mỗi tháng 567.000đ. Bên nhận nợ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B đứng tên xe máy, khi nào trả hết nợ của bà Hồ Thị Thanh S thì bà B mới ký giấy bán cho bên nhận nợ mua xe, tiền sang tên trước bạ bên mua xe chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền sang tên. Do đó, bản chất số tiền nợ xuất phát từ việc bị đơn mua xe máy còn nợ nguyên đơn. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại thành

phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Trương Thị Kim P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Cùng với việc khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản gốc Hợp đồng vay tiền trả góp xe máy lập ngày 08/11/2017, theo đó người mua xe là ông Đỗ Văn H, bà Trương Thị Kim P; đối tượng mua bán là xe máy hiệu Fondars, biển số 78P1-3845, số khung H00069, số máy 364699; số tiền nợ 8.500.000đ, thời gian góp 15 tháng, mỗi tháng góp 567.000đ. Các bên cam kết *“bên trả góp xe máy ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B đứng tên chiếc xe máy, khi nào trả hết nợ thì bà Hồ Thị Thanh S, bà Nguyễn Thị B mới ký giấy bán cho bên nhận nợ mua xe, tiền sang tên trước bạ bên mua xe chịu trách nhiệm toàn bộ số tiền sang tên, cam kết trả đúng ngày theo hợp đồng, nếu mỗi tháng không trả thì bà S tính lãi 2%/tháng”*.

Căn cứ Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 10/3/2021, Phòng cảnh sát giao thông-Công an huyện H cung cấp thông tin chủ xe mô tô biển số 78P1-3845 là bà Nguyễn Thị B. Bà B thừa nhận: Bà B là nhân viên DNTNTM Thanh Sương được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên một số khách hàng mua xe máy tồn kho của Doanh nghiệp Thanh Sương trong đó có ông Đỗ Văn H. Bà B chỉ đứng tên xe máy còn chủ sở hữu các chiếc xe mà DNTM Thanh Sương xuất hóa đơn cho Nguyễn Thị B là tài sản của bà S. Lời trình bày của bà B phù hợp với Hợp đồng vay tiền trả góp xe máy lập ngày 08/11/2017 giữa DNTM Thanh Sương và ông Đỗ Văn H, bà Trương Thị Kim P.

[4] Thực hiện hợp đồng: Bị đơn thừa nhận còn nợ 8.500.000đ, đồng ý trả số tiền gốc còn lại, không đồng ý trả lãi do hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên trong hợp đồng trả góp 15 tháng, mỗi tháng 567.000đ, không trả đúng theo quy định phải chịu lãi suất 2%/tháng trên tổng số tiền nợ. Về thỏa thuận trả không đúng theo quy định phải chịu lãi suất 2%/tháng trên tổng số nợ là vượt quá lãi suất quy định. Do vậy căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận lãi suất 20%/năm (tức 1,66%/tháng). Như vậy tiền lãi phải trả từ ngày 08/11/2017 đến ngày 31/5/2021 là: $8.500.000đ \times 1,66\%/tháng \times 3 \text{ năm } 6 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 6.034.000đ$.

Tổng cộng tiền nợ bị đơn trả cho nguyên đơn là: $8.500.000đ + 6.034.000đ = 14.534.000đ$.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 430, 433, 434, 440, 441, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Buộc ông Đỗ Văn H, bà Trương Thị Kim P phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền 14.534.000đ (mười bốn triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng). Trong đó tiền gốc 8.500.000đ (tám triệu năm trăm ngàn đồng); tiền lãi 6.034.000đ (sáu triệu không trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Buộc bà Hồ Thị Thanh S và bà Nguyễn Thị B phải làm thủ tục sang tên sở hữu xe mô tô biển số 78P1-3845 cho ông Đỗ Văn Hải, bà Trương Thị Kim P khi ông Đỗ Văn H, bà Trương Thị Kim P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Lệ phí sang tên trước bạ lần 2, ông Đỗ Văn H, bà Trương Thị Kim P phải chịu.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 01/6/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Đỗ Văn H và bà Trương Thị Kim P phải chịu 726.700đ (bảy trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm đồng) án phí DS-ST.

Hoàn lại cho bà Hồ Thị Thanh S 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DS-ST theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000568 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hoa Dung